

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1
MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 9**

- Thời điểm kiểm tra: *Kiểm tra cuối kì I.*
- Thời gian làm bài: 45 phút.
- Hình thức kiểm tra: *Kết hợp giữa trắc nghiệm khách quan và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*
- Cấu trúc:
 - Mức độ đề: *40% nhận biết; 30% thông hiểu; 20% vận dụng; 10% vận dụng cao.*
 - Phần trắc nghiệm khách quan: *4,0 điểm, gồm 16 câu hỏi .(Nhận biết: 3,0 điểm; Thông hiểu: 1,0 điểm;*
 - Phần tự luận: *6,0 điểm (nhận biết 1,0 điểm, Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*
 - Nội dung nửa đầu học kì 1: *30% (3 điểm)*
 - Nội dung nửa học kì sau: *70% (7 điểm)*

| ST T | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ nhận thức | | | | | | | | Tổng | | % tổng điểm |
|---------|--|--|------------------|------------|------------|---------|----------|---------|--------------|---------|-------|----|----------------|
| | | | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | | Số CH | | |
| | | | Số CH | Câu hỏi | Số CH | Câu hỏi | Số CH | Câu hỏi | Số CH | Câu hỏi | TN | TL | |
| 1 | Bài 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ | <i>1.1. Nghề nghiệp đối với con người</i> | 2 | C1 C3 | | | | | | | 2 | | 10% |
| | | <i>1.2. Ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ</i> | 2 | C2,14 | | | | | | | 2 | | |
| 2 | Bài 2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc | <i>2.1. Hệ thống giáo dục Việt Nam</i> | 2 | C4 C5 | 1 | C16 | | | | | 3 | | 10% |
| | | <i>2.2 Lựa chọn nghề trong hệ thống giáo dục</i> | 1 | C6 | | | | | | | 1 | | |
| | | <i>2.3. Định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực</i> | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | |
|------------------------|---|--|-------------------------|----------|---------------------|----------|-----------------------|-----|---------------------|----------------------|---------------------|-----------------------|-------|
| | dân | kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS | | | | | | | | | | | |
| 3 | Bài 3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam | 3.1. Thị trường lao động | 2 | C7 C8 | | | | | | 2 | | 10% | |
| | | 3.2. Thị trường lao động trong lĩnh vực Kỹ thuật công nghiệp | 2 | C9,10 | | | | | | 2 | | | |
| 4 | Bài 4. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp | 4.1. Lí thuyết chọn nghề | | | 1 | C17 | | | | | 1 | 20,0% | |
| | | 4.2. Quy trình chọn nghề nghiệp | 1/2 | C18 | 2 | C11, C12 | | | | 2 | 1/2 | 15,0% | |
| | | 4.3 Đánh giá năng lực, sở thích bản thân | 1 | C13 | 1 | C15 | | | 1 | C19 | 2 | 1 | 15,0% |
| | | 4.4 Các yếu tố ảnh hưởng tới việc chọn nghề | | | | | 1/2 | C18 | | | | 1/2 | 20,0% |
| Tổng | | | 12,5 câu (4,0 đ) | | 5 câu (3,0đ) | | 1/2 câu (2,0đ) | | 1 câu (1,0đ) | 16 câu (4,0đ) | 3 câu (6,0đ) | 19 câu (10,0đ) | |
| Tỉ lệ (%) | | | 40% | | 30% | | 20% | | 10% | 40% | 60% | 100% | |
| Tỉ lệ chung (%) | | | | | 70% | | 30% | | | | | 100% | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 9**

| T T | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | |
|-------------|---|---|---|----------------------------------|-------------|-------------|--------------|
| | | | | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| I | ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP | | | | | | |
| 1 | Chủ đề 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ | 1.1. Nghề nghiệp đối với con người | Nhận biết: - Trình bày được khái niệm nghề nghiệp. - Trình bày được tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội. Thông hiểu: - Phân tích được ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người. Vận dụng: - Phát biểu được quan điểm cá nhân về lựa chọn nghề nghiệp của bản thân. | 2(C1, C3) | | | |
| | | 1.2. Ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ | Nhận biết: - Kể tên được một số ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. - Trình bày được những đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. - Trình bày được những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. Thông hiểu: - Phân tích được những đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. | 2(C2, 14) | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|--|--|-----------|------|--|--|
| | | | <p>- Phân tích được những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Xác định được sự phù hợp của bản thân với ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.</p> | | | | |
| 2 | <p>Chủ đề 2. Giáo dục kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân</p> | <p>2.1. Hệ thống giáo dục Việt Nam</p> | <p>Nhận biết:</p> <p>- Kể tên được những thành tố chính trong hệ thống giáo dục tại Việt Nam.</p> <p>- Nhận ra được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam.</p> <p>- Giải thích được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục.</p> | 2(C4, C5) | 1C16 | | |
| | | <p>2.2. Lựa chọn nghề trong hệ thống giáo dục</p> | <p>Nhận biết:</p> <p>- Nhận ra được cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>- Giải thích được cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.</p> | 1 (C6) | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|----------|--|--|--|
| | | 2.3. Định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS | <p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu được thông tin về các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. | | | | |
| 3 | Chủ đề 3. Thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam | 3.1. Thị trường lao động | <p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm về thị trường lao động. - Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động. - Trình bày được vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay. | 2(C7,C8) | | | |
| | | 3.2. Thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ | <p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ. | 1(C9,10) | | | |

| | | | | | | | |
|---|--|---|--|--------|------------------|--|----------|
| 4 | Chủ đề 4. Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ | 4.1 Lí thuyết chọn nghề | Nhận biết: - Kể tên được một số lí thuyết lựa chọn nghề nghiệp. Thông hiểu: - Tóm tắt được một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp. | | 1(C17) | | |
| | | 4.2. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp | Nhận biết: - Trình bày được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp. Thông hiểu: - Giải thích được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp. | 1/2C18 | 2 (C11, C12,) | | |
| | | 4.3. Đánh giá năng lực, sở thích bản thân | Nhận biết: - Kể tên được một số năng lực cá nhân phù hợp với một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Thông hiểu: - Giải thích được sự phù hợp của cá nhân với một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Vận dụng: - Tự đánh giá được năng lực, sở thích, cá tính của bản thân về mức độ phù hợp với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Vận dụng cao: - Tự đánh giá được năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình về mức độ phù hợp với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | 1(C13) | 1(C15) | | 1 (C19) |
| | | 4.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới việc chọn nghề | Nhận biết: - Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. Thông hiểu: | | | | |

| | | | | | | | | |
|-----------|--|--|--|--|------|---------------|-----|---|
| | | | <p>- Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Xác định được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.</p> | | | 1/2 (C18) | | |
| Tổng g | | | | | 12,5 | 5 | 1/2 | 1 |

| | |
|--|--|
| UBND HUYỆN THẮNG BÌNH TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT HỌ VÀ TÊN:..... LỚP:9/ | KIỂM TRA CUỐI HK1 NĂM HỌC 2024-2025 MÔN CÔNG NGHỆ 9. ĐỀ 1 Thời gian 45 phút |
| <u>Điểm</u> | <u>Lời phê của thầy cô, giáo</u> |

A-TRẮC NGHIỆM: (4 điểm). Em hãy chọn câu trả lời đúng trong những câu sau:

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| Đáp án | | | | | | | | | | | | | | | | |

Câu 1. Theo em, nghề nghiệp là tập hợp

- A. các việc làm, nhiệm vụ mà mình thực hiện.
- B. các việc làm theo sở thích cá nhân.
- C. các công việc được xã hội công nhận.
- D. các nhu cầu xã hội, mong cầu đáp ứng việc làm.

Câu 2. Yêu cầu chung về năng lực của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ là

- A. có khả năng tự học, tự nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; có khả năng học tập ngoại ngữ, tin học.
- B. chống chỉ định y học với những người bị có tật khúc xạ về mắt.
- C. có tính kỉ luật, ý thức tuân thủ các quy định, quy tắc trong quá trình làm việc; có ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động.
- D. cần cù, chăm chỉ, chịu được áp lực công việc và nhiệm vụ được giao.

Câu 3. Tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người là

- A. tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.
- B. tạo ra môi trường để con người phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường.
- C. góp phần làm giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỉ cương, ổn định xã hội.
- D. thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phồn vinh cho xã hội.

Câu 4. Nội dung nào dưới đây không đúng khi nói về vai trò của việc phân luồng trong hệ thống giáo dục quốc dân?

- A. Góp phần đào tạo nhân lực lao động làm việc, là tiền đề phát triển kinh tế đất nước.
- B. Tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện cụ thể của cá nhân và nhu cầu xã hội.
- C. Hướng nghiệp, tạo điều kiện cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông.
- D. Góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.

Câu 5. Giáo dục phổ thông có bao nhiêu thời điểm phân luồng?

- A. Một thời điểm: Sau tốt nghiệp trung học cơ sở.
- B. Một thời điểm: Sau tốt nghiệp trung học phổ thông.
- C. Hai thời điểm: Sau tốt nghiệp trung học cơ sở; Sau tốt nghiệp trung học phổ thông.
- D. Hai thời điểm: Sau tốt nghiệp trung học phổ thông; Sau tốt nghiệp đại học.

Câu 6. Khung cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam bao gồm hệ thống giáo dục nào?

- A. Chính quy và thường xuyên.
- B. Mầm non và phổ thông.
- C. Nghề nghiệp và đại học.
- D. Phổ thông và thường xuyên.

Câu 7. Thị trường lao động là thị trường trao đổi

- A. hàng hóa, sức lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động.
- B. sức lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động.
- C. hàng hóa giữa người mua và người bán.
- D. hàng hóa, sức lao động giữa người mua và người bán.

Câu 8. Yếu tố nào sau đây sẽ ảnh hưởng đến thị trường lao động?

- A. Sự phát triển của thị trường kinh tế
 B. Sự phát triển của thông tin văn hóa.
 C. Sự phát triển của trình độ học vấn, giáo dục.
 D. Sự phát triển của khoa học, công nghệ.

Câu 9. Nguồn cung lao động lại ảnh hưởng đến thị trường lao động do

- A. nhu cầu thu hút nhân lực của người sử dụng lao động khác nhau.
 B. số việc làm và khả năng tạo việc làm luôn ổn định.
 C. nguồn cung lao động luôn thay đổi theo thời gian và theo không gian giữa các vùng, ngành.
 D. làm thay đổi cơ cấu nhu cầu lao động giữa các ngành, nghề.

Câu 10. Bước đầu tiên trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp là gì?

- A. Tìm hiểu về các nghề
 B. Tự đánh giá bản thân
 C. Lập kế hoạch học tập và rèn luyện
 D. Xác định mục tiêu nghề nghiệp

Câu 11. Tại sao việc tìm hiểu về các nghề lại quan trọng trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp?

- A. Giúp xác định sở thích cá nhân
 B. Đảm bảo bạn sẽ kiếm được nhiều tiền
 C. Cung cấp thông tin về yêu cầu và triển vọng của các nghề
 D. Giúp bạn lựa chọn nghề mà bạn bè đang làm

Câu 12. Khi xác định mục tiêu nghề nghiệp, bạn cần phải xem xét yếu tố nào sau đây?

- A. Khả năng học tập và sức khỏe của bản thân
 B. Nghề nghiệp mà gia đình mong muốn
 C. Sự thuận lợi về địa lý của nghề đó
 D. Sự phổ biến của nghề trong xã hội

Câu 13. Yếu tố nào sau đây không thuộc các tiêu chí tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với ngành nghề kỹ thuật, công nghệ?

- A. Sức khỏe
 B. Sở thích cá nhân
 C. Kỹ năng giao tiếp
 D. Trình độ học vấn

Câu 14. Tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với ngành nghề kỹ thuật, công nghệ giúp bạn làm gì?

- A. Lựa chọn ngành nghề dựa trên sở thích của bạn bè
 B. Xác định nghề nghiệp phù hợp với khả năng và sở thích của bản thân
 C. Đảm bảo sẽ có việc làm ngay sau khi học xong
 D. Biết được tất cả các ngành nghề có trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ

Câu 15. Tại sao việc tự đánh giá sức khỏe lại quan trọng khi lựa chọn ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ?

- A. Vì các ngành nghề này thường yêu cầu người làm việc phải có sức khỏe tốt để đảm bảo hiệu suất lao động.
 B. Vì sức khỏe tốt giúp bạn thăng tiến nhanh hơn trong công việc.
 C. Vì sức khỏe tốt là yêu cầu duy nhất để thành công trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
 D. Vì các ngành nghề này không yêu cầu kỹ năng chuyên môn.

Câu 16. Xu hướng tuyển dụng trình độ đại học:

- A. 19,6% B. 50,0% C. 73,4% D. 67,7%

II. TỰ LUẬN. (6,0 điểm)

Câu 17. (2,0 điểm) Em hãy nêu nội dung và ý nghĩa của lí thuyết cây nghề nghiệp?

Câu 18. (3,0 điểm) Các bước trong quy trình lựa chọn nghề? Theo em, một người khi lựa chọn nghề nghiệp thường dựa trên những yếu tố nào để có sự lựa chọn đúng đắn?

Câu 19. (1,0 điểm)

Một người bạn của em cho rằng, khi chọn nghề cứ chọn nghề dễ xin việc và kiếm được nhiều tiền, mà không quan tâm tới mình có thích nghề nghiệp đó hay không. Em hãy đưa ra những lời khuyên giúp bạn có những bước chọn nghề đúng đắn.

BÀI LÀM



| | |
|--|--|
| UBND HUYỆN THẮNG BÌNH TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT HỌ VÀ TÊN:..... LỚP: 9/..... | KIỂM TRA CUỐI HK1 NĂM HỌC 2024-2025 MÔN CÔNG NGHỆ 9. ĐỀ 2 Thời gian 45 phút |
| <u>Điểm</u> | <u>Lời phê của thầy cô, giáo</u> |

A-TRẮC NGHIỆM: (4 điểm). Em hãy chọn câu trả lời đúng trong những câu sau:

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| Đáp án | | | | | | | | | | | | | | | | |

Câu 1. Giáo dục phổ thông có bao nhiêu thời điểm phân luồng?

- A. Một thời điểm: Sau tốt nghiệp trung học cơ sở.
- B. Một thời điểm: Sau tốt nghiệp trung học phổ thông.
- C. Hai thời điểm: Sau tốt nghiệp trung học cơ sở; Sau tốt nghiệp trung học phổ thông.
- D. Hai thời điểm: Sau tốt nghiệp trung học phổ thông; Sau tốt nghiệp đại học.

Câu 2. Khung cơ cấu hệ thống giáo dục Việt Nam bao gồm hệ thống giáo dục nào?

- A. Chính quy và thường xuyên.
- B. Mầm non và phổ thông.
- C. Nghề nghiệp và đại học.
- D. Phổ thông và thường xuyên.

Câu 3. Thị trường lao động là thị trường trao đổi

- A. hàng hóa, sức lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động.
- B. sức lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động.
- C. hàng hóa giữa người mua và người bán.
- D. hàng hóa, sức lao động giữa người mua và người bán.

Câu 4. Yếu tố nào sau đây sẽ ảnh hưởng đến thị trường lao động?

- A. Sự phát triển của thị trường kinh tế
- B. Sự phát triển của thông tin văn hóa.
- C. Sự phát triển của trình độ học vấn, giáo dục.
- D. Sự phát triển của khoa học, công nghệ.

Câu 5. Nguồn cung lao động lại ảnh hưởng đến thị trường lao động do

- A. nhu cầu thu hút nhân lực của người sử dụng lao động khác nhau.
- B. số việc làm và khả năng tạo việc làm luôn ổn định.
- C. nguồn cung lao động luôn thay đổi theo thời gian và theo không gian giữa các vùng, ngành.
- D. làm thay đổi cơ cấu nhu cầu lao động giữa các ngành, nghề.

Câu 6. Bước đầu tiên trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp là gì?

- A. Tìm hiểu về các nghề
- B. Tự đánh giá bản thân
- C. Lập kế hoạch học tập và rèn luyện
- D. Xác định mục tiêu nghề nghiệp

Câu 7. Tại sao việc tìm hiểu về các nghề lại quan trọng trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp?

- A. Giúp xác định sở thích cá nhân
- B. Đảm bảo bạn sẽ kiếm được nhiều tiền
- C. Cung cấp thông tin về yêu cầu và triển vọng của các nghề
- D. Giúp bạn lựa chọn nghề mà bạn bè đang làm

Câu 8. Khi xác định mục tiêu nghề nghiệp, bạn cần phải xem xét yếu tố nào sau đây?

- A. Khả năng học tập và sức khỏe của bản thân
- B. Nghề nghiệp mà gia đình mong muốn
- C. Sự thuận lợi về địa lý của nghề đó
- D. Sự phổ biến của nghề trong xã hội

Câu 9. Yếu tố nào sau đây không thuộc các tiêu chí tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với ngành nghề kỹ thuật, công nghệ?

- A. Sức khỏe
- B. Sở thích cá nhân

C. Kỹ năng giao tiếp

D. Trình độ học vấn

Câu 10. Tự đánh giá mức độ phù hợp của bản thân với ngành nghề kỹ thuật, công nghệ giúp bạn làm gì?

A. Lựa chọn ngành nghề dựa trên sở thích của bạn bè

B. Xác định nghề nghiệp phù hợp với khả năng và sở thích của bản thân

C. Đảm bảo sẽ có việc làm ngay sau khi học xong

D. Biết được tất cả các ngành nghề có trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ

Câu 11. Theo em, nghề nghiệp là tập hợp

A. các việc làm, nhiệm vụ mà mình thực hiện.

B. các việc làm theo sở thích cá nhân.

C. các công việc được xã hội công nhận.

D. các nhu cầu xã hội, mong cầu đáp ứng việc làm.

Câu 12. Yêu cầu chung về năng lực của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ là

A. có khả năng tự học, tự nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; có khả năng học tập ngoại ngữ, tin học.

B. chống chỉ định y học với những người bị có tật khúc xạ về mắt.

C. có tính kỉ luật, ý thức tuân thủ các quy định, quy tắc trong quá trình làm việc; có ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động.

D. cần cù, chăm chỉ, chịu được áp lực công việc và nhiệm vụ được giao.

Câu 13. Tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người là

A. tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

B. tạo ra môi trường để con người phát triển nhân cách, phát huy năng lực, sở trường.

C. góp phần làm giảm các tệ nạn xã hội, đảm bảo kỉ cương, ổn định xã hội.

D. thúc đẩy phát triển kinh tế, đem lại phồn vinh cho xã hội.

Câu 14. Nội dung nào dưới đây không đúng khi nói về vai trò của việc phân luồng trong hệ thống giáo dục quốc dân?

A. Góp phần đào tạo nhân lực lao động làm việc, là tiền đề phát triển kinh tế đất nước.

B. Tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện cụ thể của cá nhân và nhu cầu xã hội.

C. Hướng nghiệp, tạo điều kiện cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

D. Góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.

Câu 15. Tại sao việc tự đánh giá sức khỏe lại quan trọng khi lựa chọn ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ?

A. Vì các ngành nghề này thường yêu cầu người làm việc phải có sức khỏe tốt để đảm bảo hiệu suất lao động.

B. Vì sức khỏe tốt giúp bạn thăng tiến nhanh hơn trong công việc.

C. Vì sức khỏe tốt là yêu cầu duy nhất để thành công trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

D. Vì các ngành nghề này không yêu cầu kỹ năng chuyên môn.

Câu 16. Xu hướng tuyển dụng trình độ đại học:

A. 50,0%

B. 19,6%

C. 73,4%

D. 67,7%

II. TỰ LUẬN. (6,0 điểm)

Câu 17. (2,0 điểm) Em hãy nêu nội dung và ý nghĩa của lí thuyết cây nghề nghiệp?

Câu 18. (3,0 điểm) Các bước trong quy trình lựa chọn nghề? Theo em, một người khi lựa chọn nghề nghiệp thường dựa trên những yếu tố nào để có sự lựa chọn đúng đắn?

Câu 19. (1,0 điểm) Một người bạn của em cho rằng, khi chọn nghề cứ chọn nghề dễ xin việc và kiếm được nhiều tiền, mà không quan tâm tới mình có thích nghề nghiệp đó hay không. Em hãy đưa ra những lời khuyên giúp bạn có những bước chọn nghề đúng đắn.

BÀI LÀM



ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM.
I. TRẮC NGHIỆM. (4,0 điểm) Mỗi câu đúng 0,25 điểm.

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| Đ/A | C | A | B | A | C | A | A | D | C | B | C | A | C | B | A | B |
| ĐỀ 1 | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Đ/A | C | A | A | D | C | B | C | A | C | B | C | A | B | A | A | A |
| ĐỀ 2 | | | | | | | | | | | | | | | | |

II. TỰ LUẬN. (6,0 điểm)

| Câu | Đáp án | Điểm |
|------------|---|---|
| 17 | <p>1. Lý thuyết cây nghề nghiệp *Nội dung cơ bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết cây nghề nghiệp chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa thành công trong nghề nghiệp với năng lực, cá tính, khả năng, giá trị nghề nghiệp của cá nhân. - Ý tưởng chính của lý thuyết này là mô tả sự phát triển nghề nghiệp như là một cây, với các "rễ" biểu thị cho những giá trị, kỹ năng, sở thích và kinh nghiệm cá nhân, trong khi "quả" thể hiện những mục tiêu và thành tựu nghề nghiệp. <p>* Ý nghĩa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng trong công tác hướng nghiệp học sinh - Lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân. | <p>0,75 đ</p> <p>0,75 đ</p> <p>0,5 đ</p> |
| 18 | <p>Các bước trong quy trình lựa chọn nghề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá bản thân - Tìm hiểu thị trường lao động. - Ra quyết định. <p>Theo em, khi lựa chọn nghề nghiệp thường dựa vào 2 yếu tố: yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan để có được sự lựa chọn đúng đắn nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Yếu tố chủ quan: năng lực, sở thích, cá tính. + Yếu tố khách quan: Nhà trường, gia đình, xã hội, nhóm bạn. | <p>0,33</p> <p>0,34</p> <p>0,33</p> <p>1,0đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p> |
| 19 | <p>Sau khi bạn học xong, nghề nghiệp là thứ vừa để nuôi sống bạn, vừa gắn bó lâu dài với bạn. Nếu bạn lựa chọn nghề không có sự yêu thích, bạn sẽ nhanh chán với công việc đó và không thể gắn bó lâu dài. Do đó, khi chọn việc, bạn nên ưu tiên những công việc mình thích và đồng thời cũng phải phù hợp với năng lực, phẩm chất của mình. Khi bạn chọn đúng nghề bạn sẽ yêu thích và đam mê với công việc đó, cơ hội thăng tiến cao hơn và tương lai rộng mở hơn.</p> | <p>1,0 đ</p> |

| | | |
|--|--|--|
| | | |
|--|--|--|

Hết